



Số: 193/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý tài chính, giải ngân đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế (OFID)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002, Luật Quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về Nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về Cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính, giải ngân đối với các chương trình, dự án do Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế (OFID) tài trợ như sau:

Phần I CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc quản lý tài chính, rút vốn thanh toán, kiểm tra, báo cáo, quyết toán, hạch toán ngân sách nhà nước áp dụng đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn OFID.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn Chính phủ vay từ Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế là đối tượng áp dụng các quy định tại Thông tư này.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế có tên tiếng Anh là The OPEC Fund for International Development (sau đây viết tắt là OFID): là cơ quan cung cấp nguồn vốn hỗ trợ phát triển của Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế.

2. Hiệp định vay: là thỏa thuận vay vốn ký giữa Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với OFID để tài trợ cho các dự án, chương trình đầu tư phát triển tại Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Nguồn vốn vay OFID cho các dự án là khoản vay nước ngoài của Chính phủ. Nguồn vốn này được quản lý theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn các Luật này, quy định về quản lý nguồn vốn ODA và quy định tại Thông tư này.

2. Các dự án sử dụng vốn vay OFID thuộc diện ngân sách cấp phát là các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng công cộng, phúc lợi xã hội, các dự án thuộc lĩnh vực khác không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp và là đối tượng chi của ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành, bao gồm cả trường hợp ngân sách địa phương được vay lại vốn vay nước ngoài từ ngân sách trung ương để cấp phát cho dự án, được cấp phát từ nguồn vốn ODA theo cơ chế cấp phát vốn NSNN.

Vốn đối ứng cho các dự án thuộc diện ngân sách cấp phát do NSNN (trung ương, địa phương) đảm bảo, được bố trí trong dự toán NSNN hàng năm theo nguồn vốn xây dựng cơ bản hoặc hành chính sự nghiệp tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án.

3. Các dự án sử dụng vốn vay OFID thuộc diện cho vay lại toàn bộ hoặc cho vay lại một phần là các dự án có khả năng thu hồi toàn bộ hoặc một phần vốn, bao gồm cả các dự án tín dụng sẽ áp dụng cơ chế cho vay lại toàn bộ hoặc cho vay lại một phần, cấp phát một phần nguồn vốn ODA tùy theo khả năng hoàn vốn của dự án.

Điều kiện cho vay lại cụ thể nguồn vốn ODA (cho vay lại toàn bộ hoặc cho vay lại một phần vốn ODA, đối tượng nhận vay lại, đồng tiền cho vay lại, trị giá cho vay lại, thời hạn cho vay lại, lãi suất cho vay lại, các loại phí theo quy định của nhà tài trợ, phí cho vay lại trong nước, v.v...) được xác định trong quá trình chuẩn bị, thẩm định và phê duyệt dự án căn cứ theo quy định tại Nghị định 78/CP-NĐ ngày 14/7/2010 về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và/ hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ.

4. Vốn đối ứng trong nước:

a. Vốn đối ứng là phần đóng góp của phía Việt nam trong dự án do OFID tài trợ để chi cho các nội dung của dự án bao gồm cả vốn để chi trả chi phí thuế, phí rút vốn, các loại phí ngân hàng, phí bảo hiểm, phí vận chuyển, phí lưu kho, chi phí kiểm toán và các loại chi phí hợp lệ khác nếu các chi phí này không được tài trợ từ nguồn vốn vay nước ngoài theo quy định của Hiệp định vay.

b. Vốn đối ứng trong nước của dự án thuộc diện NSNN cấp phát dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp ngân sách nào do ngân sách cấp đó chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng; vốn đối ứng của dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần do chủ dự án vay lại bảo đảm. Chủ dự án phải bố trí hoặc trình cấp có thẩm quyền bố trí đầy đủ vốn đối ứng cho dự án bảo đảm hiệu quả và cân đối với tiến độ giải ngân vốn nước ngoài.

5. Cơ quan chủ quản dự án, chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các dự án theo đúng các cam kết đã quy định trong Hiệp định vay và có trách nhiệm tổ chức quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của Hiệp định vay và các quy định trong nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA, quản lý tài sản của dự án, khi kết thúc dự án thực hiện quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 4. Ngân hàng phục vụ và tài khoản của dự án

1. Ngân hàng phục vụ là một ngân hàng thương mại được lựa chọn trong danh sách các ngân hàng thương mại đủ tiêu chuẩn để uỷ quyền thực hiện giao dịch đối ngoại, thanh toán, cung cấp dịch vụ ngân hàng do Bộ Tài chính hoặc phối hợp với Chủ dự án lựa chọn.

2. Trách nhiệm của ngân hàng phục vụ:

a. Theo đề nghị của Bộ Tài chính, ngân hàng phục vụ mở Tài khoản tạm ứng cho dự án (sau đây viết tắt là TKTƯ) để thực hiện các giao dịch tiếp nhận tiền do OFID giải ngân và chuyển tiền từ TKTƯ về tài khoản nguồn vốn của dự án mở tại Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

b. Ngân hàng phục vụ có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp cho Bộ Tài chính và Ban quản lý dự án đầy đủ các thông tin để thực hiện các giao dịch thanh toán trong và ngoài nước qua hệ thống ngân hàng.

c. Ngân hàng phục vụ thực hiện ghi có vào TKTƯ của dự án số tiền Nhà tài trợ giải ngân trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo Có từ OFID và thông báo cho Bộ Tài chính, Chủ dự án biết số tiền nhận được.

d. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi thực hiện chuyển tiền theo lệnh của chủ tài khoản, ngân hàng phục vụ gửi chủ tài khoản các chứng từ báo Nợ liên quan đến khoản thanh toán gồm: số tiền ngoại tệ, số tiền VNĐ, tỷ giá

chuyên đổi, ngày thanh toán, người thụ hưởng để phục vụ việc hạch toán NSNN.

đ. Số dư trên TKTU được hưởng lãi phát sinh theo lãi suất do ngân hàng phục vụ quy định hoặc theo mức lãi suất thoả thuận giữa ngân hàng phục vụ và chủ tài khoản. Ngân hàng phục vụ mở tài khoản theo dõi riêng lãi phát sinh từ TKTU. Số dư trên tài khoản theo dõi lãi phát sinh từ TKTU cũng được hưởng lãi.

e. Ngân hàng phục vụ dự án được hưởng phí dịch vụ theo biểu phí hiện hành của ngân hàng phục vụ.

g. Định kỳ hàng tháng và khi có yêu cầu, ngân hàng phục vụ có trách nhiệm gửi cho chủ tài khoản báo cáo sao kê TKTU, số lãi phát sinh từ TKTU của các dự án; số phí phục vụ do ngân hàng phục vụ thu; số chênh lệch giữa lãi và phí; số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

3. Các tài khoản của dự án

a. Tài khoản tại ngân hàng phục vụ:

- Căn cứ vào nhu cầu thanh toán của Dự án và trên cơ sở đề nghị của Chủ quản dự án về việc mở TKTU cho dự án, Bộ Tài chính sẽ gửi thư đề nghị OFID thông qua việc sử dụng TKTU cho dự án. OFID sẽ xem xét và gửi thư thông báo chấp thuận hay từ chối việc mở TKTU của Dự án.

- Căn cứ vào chấp thuận của OFID, Bộ Tài chính mở TKTU tại ngân hàng phục vụ theo yêu cầu thanh toán của dự án phù hợp quy định trong Hiệp định vay và thoả thuận với nhà tài trợ, và quy định hiện hành trong nước. TKTU là tài khoản trung gian chuyển tiền cho tài khoản nguồn vốn do Ban Quản lý Dự án mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh/thành phố.

b. Tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là KBNN):

- Tài khoản nguồn vốn để tiếp nhận vốn OFID: tùy theo yêu cầu tổ chức thực hiện của dự án và thoả thuận bằng văn bản với nhà tài trợ, chủ dự án mở tài khoản nguồn vốn của dự án tại hệ thống KBNN để tiếp nhận các nguồn vốn vay OFID được chuyển về từ TKTU của dự án, thực hiện thanh toán cho dự án sau khi có kiểm soát chi của kho bạc. Theo thiết kế của dự án, cơ quan quản lý dự án cấp dưới (huyện, xã) có thể mở tài khoản tiền gửi tại KBNN huyện để tiếp nhận vốn từ Ban quản lý dự án tỉnh chuyển về để thanh toán cho các hoạt động của dự án.

- Tài khoản thanh toán vốn đối ứng: chủ dự án mở tài khoản tại hệ thống KBNN để tiếp nhận, thanh toán vốn đối ứng do ngân sách cấp phát theo quy định hiện hành.

4. Phí dịch vụ Ngân hàng

Phí dịch vụ ngân hàng được chi trả bằng lãi phát sinh trên TKTU và hạch toán vào tổng chi phí của dự án. Lãi phát sinh trên các tài khoản thuộc dự án cấp phát là nguồn thu của NSNN. Đối với các dự án hỗn hợp vừa có hợp phần được NSNN cấp phát kinh phí vừa có hợp phần được NSNN cho vay lại nguồn vốn ODA cùng sử dụng chung một TKTU (thời điểm NSNN cho vay lại là thời điểm rút vốn từ TKTU), lãi phát sinh trên tài khoản là nguồn thu của NSNN. Khi kết thúc dự án, số lãi phát sinh không sử dụng hết phải nộp vào NSNN. Trường hợp lãi phát sinh không đủ để trả phí dịch vụ ngân hàng, chủ dự án được NSNN cấp phát lập kế hoạch xin vốn đối ứng để thanh toán; chủ dự án vay lại tự thanh toán bằng nguồn vốn của mình.

5. Tỷ giá chuyển đổi

Việc chuyển đổi nguồn vốn OFID bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam được áp dụng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng phục vụ tại thời điểm giao dịch.

Phần II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Quản lý, sử dụng nguồn vốn vay

1. Nguồn vốn vay OFID tài trợ cho các hạng mục đầu tư trong dự án theo tỉ lệ quy định tại Phụ lục 2 của Hiệp định vay vốn ký với OFID.

2. Tỉ lệ tài trợ quy định trong Hiệp định vay là tỉ lệ tính trên chi phí các hạng mục đầu tư không bao gồm chi phí thuế. Tỉ lệ này có thể thay đổi theo thỏa thuận giữa nhà tài trợ và bên vay. Từng lần rút vốn vay để thanh toán cho các hạng mục đầu tư đều áp dụng các tỉ lệ tài trợ tương ứng để xác định số vốn rút từ nguồn vốn vay.

3. Mọi khoản rút vốn từ nguồn vốn vay đều phải được thực hiện trước ngày đóng tài khoản vay (hoặc ngày đóng tài khoản vay được gia hạn) theo quy định của Hiệp định vay.

4. Không dùng vốn vay để thanh toán cho các hạng mục hàng hóa không được quy định tại Hiệp định vay.

5. Việc thanh toán nguồn vốn vay nước ngoài cho các dự án thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của Hiệp định vay, và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư xây dựng và quy định về quản lý tài chính nguồn vốn ODA, bao gồm cả Thông tư này.

Điều 6. Phương thức rút vốn nước ngoài

Các khoản chi phí hợp lệ của dự án được thanh toán từ nguồn vốn vay OFID theo các thủ tục: thanh toán trực tiếp; thanh toán hoàn vốn/hồi tố; thanh toán qua TKTƯ.

Hồ sơ rút vốn, thủ tục kiểm soát chi và thanh toán nguồn vốn OFID, vốn đối ứng đối với các dự án do OFID tài trợ thực hiện theo các quy định của Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Thông tư số 40/2011/TT-BTC ngày 22/3/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điểm của Thông tư số 108/2007/TT-BTC, và Thông tư số 107/2011/TT-BTC ngày 20/7/2011 sửa đổi điểm c, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2011/TT-BTC ngày 22/3/2007/TT-BTC ngày 7/9/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Các chủ dự án tuân thủ hướng dẫn của nhà tài trợ về cách áp dụng hình thức rút vốn và mẫu biểu rút vốn trong Hướng dẫn giải ngân của OFID.

1. Thanh toán trực tiếp (Direct Payment):

Thanh toán trực tiếp là hình thức thanh toán mà theo đề nghị của Bên vay, OFID sẽ chuyển tiền thanh toán trực tiếp cho nhà thầu/nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ.

Khi có nhu cầu rút vốn để thanh toán theo thủ tục thanh toán trực tiếp, Ban quản lý dự án gửi các tài liệu sau đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại):

- Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn, các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của OFID;
- Hoá đơn/đề nghị thanh toán của nhà thầu/nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ.
- Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận (bản gốc) của cơ quan kiểm soát chi.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) xem xét đồng ký Đơn rút vốn vốn gửi OFID, nếu OFID chấp thuận sẽ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của nhà thầu/nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ.

2. Thanh toán hoàn vốn/hồi tố (Reimbursement/retroactive):

Thanh toán hoàn vốn là hình thức thanh toán hoàn lại số tiền mà cơ quan thực hiện dự án đã chi bằng nguồn vốn của mình cho các khoản chi hợp lệ được tài trợ từ vốn vay.

Thanh toán hồi tố là hình thức thanh toán mà OFID tài trợ cho các khoản chi hợp lệ của dự án đã phát sinh trước thời điểm hiệu lực của Dự án và đã được bên vay thanh toán bằng nguồn vốn của mình. Nội dung thanh toán và khoảng thời gian được thanh toán hồi tố được quy định trong hiệp định vay.

Khi có nhu cầu rút vốn để thanh toán theo thủ tục hoàn vốn, Ban quản lý dự án gửi các tài liệu sau đến Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại):

- Công văn đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của OFID. Đơn rút vốn phải ghi rõ tên và số tài khoản của đơn vị đã ứng vốn.

- Hoá đơn/đề nghị thanh toán của nhà thầu/nhà cung cấp hàng hoá/dịch vụ.

- Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản gốc).

- Ban quản lý dự án cung cấp các tài liệu bổ sung chứng minh việc đã chuyển tiền cho nhà thầu.

- Trong trường hợp đặc biệt, Bộ Tài chính có thể yêu cầu tài liệu giải trình bổ sung.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) xem xét đồng ký Đơn rút vốn gửi OFID, nếu OFID chấp thuận sẽ chuyển tiền hoàn trả lại vốn đã sử dụng cho Ban quản lý dự án.

3. Rút vốn lần đầu về Tài khoản tạm ứng (TKTU):

Việc rút vốn lần đầu về TKTU được thực hiện căn cứ trên hạn mức của TKTU được OFID chấp thuận trong thư gửi Bộ Tài chính.

Để rút vốn, Ban quản lý dự án gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại) công văn đề nghị rút vốn, đơn rút vốn và sao kê rút vốn, kế hoạch sử dụng vốn của dự án theo tháng hoặc Quý.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào thư chấp thuận của OFID về việc sử dụng TKTU, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính Đối ngoại) sẽ xem xét ký đơn rút vốn gửi OFID.

4. Rút vốn bổ sung TKTU:

Để rút vốn bổ sung TKTU, Ban quản lý dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại):

- Công văn đề nghị rút vốn bổ sung TKTU.

- Sao kê chi tiêu do Ban quản lý dự án lập theo mẫu của OFID thể hiện rõ từng khoản chi từ TKTU, chi tiết theo: ngày thanh toán, số tiền nguyên tệ, số tiền quy USD, tỷ giá USD/VNĐ, nội dung thanh toán, đối tượng thụ hưởng, tỷ lệ tài trợ, giá trị hợp đồng. Sao kê này là cơ sở để Bộ Tài chính làm thủ tục ghi thu ghi chi.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của KBNN (bản gốc và bản dịch tiếng Anh), giấy rút vốn đầu tư (bản gốc và bản dịch tiếng Anh). Mỗi Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận chỉ được sử dụng một (01) lần.

- Các Hợp đồng đã ký kết (tiếng Việt và bản dịch tiếng Anh). Các hợp đồng chỉ gửi một (01) lần.

- Chứng từ khác theo quy định của nhà tài trợ (chỉ gửi 1 lần nếu một hợp đồng thanh toán làm nhiều lần): bao gồm hợp đồng, quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, hoá đơn, bảo lãnh thực hiện, bảo lãnh ứng trước (trong trường hợp tạm ứng vốn) hoặc chứng từ khác khi nhà tài trợ yêu cầu.

- Các hồ sơ chứng từ gửi Bộ Tài chính: ngoài các chứng từ theo quy định của OFID, Ban quản lý dự án lập sao kê thể hiện rõ từng sao kê chi tiêu từ tài khoản nguồn vốn, có xác nhận của KBNN nơi giao dịch (bản gốc) gửi Bộ Tài chính. Sao kê cần chi tiết theo ngày thanh toán, số tiền, nội dung thanh toán, đối tượng thụ hưởng, số/ngày chứng từ chi tiêu.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) sẽ xem xét ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ để xem xét, nếu nhà tài trợ chấp nhận sẽ chuyển tiền bổ sung vào TKTU.

5. Rút vốn từ TKTU về tài khoản nguồn vốn tại KBNN:

Vốn vay OFID sẽ được rút về TKTU của từng dự án mở tại Ngân hàng phục vụ do Bộ Tài chính làm chủ tài khoản. Để rút vốn từ TKTU về tài khoản nguồn vốn tại KBNN, Ban quản lý dự án gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) các hồ sơ sau:

- Công văn đề nghị rút vốn về tài khoản nguồn, chỉ định rõ số tiền xin rút, số tài khoản, nơi mở tài khoản.

- Dự toán chi tiêu cho số tiền xin rút vốn. Hàng năm, Ban quản lý dự án xây dựng và trình Cơ quan chủ quản/Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tài chính năm của dự án (Kế hoạch tài chính cần chi tiết theo quý, theo các hoạt động chính của dự án, nguồn vốn, hạng mục chi phí, tỉ lệ tài trợ từ các nguồn vốn đối với từng hạng mục chi phí). Kế hoạch tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt được gửi cho Bộ Tài chính làm cơ sở chuyển vốn từng đợt cho Ban quản lý dự án vào tài khoản nguồn vốn của Ban mở tại KBNN tỉnh/thành phố; và được gửi cho Sở Tài chính tỉnh/thành phố và cơ quan chủ quản làm cơ sở theo dõi, quản lý, hạch toán nguồn vốn nước ngoài cấp phát cho tỉnh.

- Các tài liệu khác nếu cần thiết.

Trong vòng 3 ngày làm việc, trên cơ sở xem xét nhu cầu giải ngân kỳ tiếp theo của dự án, số vốn tạm ứng còn thừa/thiếu, và số dư trên TKTƯ của dự án, Bộ Tài chính sẽ chuyển tiền từ TKTƯ về Tài khoản nguồn vốn của dự án; hoặc thông báo cho Ban quản lý dự án áp dụng hình thức thanh toán trực tiếp nếu cần thiết.

6. Chi tiêu từ Tài khoản nguồn vốn:

Việc chi tiêu từ tài khoản nguồn vốn thực hiện theo quy trình kiểm soát chi trước. Quy trình kiểm soát chi trước là quy trình mà mọi khoản thanh toán từ tài khoản nguồn vốn đều phải được KBNN/cơ quan cho vay lại kiểm soát chi trước khi thực hiện thanh toán theo quy định hiện hành.

Trường hợp các dự án có tài khoản mở cho cấp địa phương (huyện, xã), Ban quản lý dự án cấp tỉnh căn cứ thiết kế dự án, thoả thuận trong Hiệp định vay và các quy định hiện hành làm thủ tục tạm ứng tiền cho cấp huyện, xã.

Số vốn còn thừa trong tài khoản nguồn vốn của đợt chuyển cuối cùng cho dự án không sử dụng hết (nếu có) sẽ được hoàn trả lại TKTƯ của dự án để hoàn trả cho phía nước ngoài.

Điều 7. Hạch toán Ngân sách Nhà nước nguồn vốn OFID

1. Quy trình cụ thể thực hiện hạch toán vốn NSNN theo quy định hiện hành tại Thông tư số 107/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 Hướng dẫn bổ sung một số điểm về quản lý, điều hành NSNN và Quyết định 19/2007/QĐ-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN đối với các khoản vay và viện trợ nước ngoài của Chính phủ và Quyết định số 2752/QĐ-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính ban hành quy chế ghi chép, hạch toán kế toán các khoản vay, viện trợ, trả nợ nước ngoài của Chính phủ trong điều kiện vận hành TABMIS.

2. Quy trình hạch toán NSNN:

a. Trường hợp thanh toán qua TKTƯ:

Đối với dự án cấp phát, căn cứ sao kê chi tiêu thanh toán từ tài khoản nguồn vốn, Bộ Tài chính lập thông tri ghi thu ghi chi vốn vay OFID đã rút và cấp phát cho dự án. Vốn vay OFID cấp phát cho dự án được hạch toán ghi thu vốn vay nước ngoài và chi chi bổ sung có mục tiêu của Ngân sách Trung ương cho Ngân sách tỉnh hoặc ghi chi cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho cơ quan chủ quản.

Đối với các dự án cho vay lại nguồn vốn vay OFID, căn cứ vào chứng từ chuyển tiền từ TKTƯ vào tài khoản nguồn vốn, Bộ Tài chính lập thông tri ghi thu ghi chi vốn vay OFID đã rút và cho vay lại dự án gửi cơ quan cho vay lại để hạch toán cho vay lại đến dự án.

Khi dự án kết thúc, số vốn còn thừa của đợt chuyển vốn cuối cùng vào tài khoản nguồn vốn của (nếu có) được chuyển trả lại TKTƯ của dự án sẽ được hạch toán giảm thu/giảm chi ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương.

b. Trường hợp thanh toán trực tiếp/hoàn vốn:

Căn cứ vào Thông báo giải ngân của OFID, Bộ Tài chính lập thông tri ghi thu ghi chi vốn vay OFID đã rút vốn theo hình thức thanh toán trực tiếp/hoàn vốn đã cấp phát/cho vay lại cho dự án. Vốn vay OFID cấp phát cho dự án được hạch toán ghi thu vốn vay nước ngoài và chi chi bổ sung có mục tiêu của Ngân sách Trung ương cho Ngân sách tỉnh hoặc ghi chi vốn vay nước ngoài cho Cơ quan chủ quản để thực hiện dự án. Vốn vay OFID cho vay lại cho dự án được hạch toán ghi thu vốn vay nước ngoài và chi chi cho vay lại cho Dự án.

Điều 8. Quyết toán dự án

Các dự án sử dụng vốn vay OFID thực hiện việc quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm, và thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/2/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

Điều 9. Kiểm toán báo cáo tài chính

1. Kiểm toán báo cáo tài chính năm của dự án OFID nhằm kiểm tra và xác nhận tính trung thực và hợp lệ của báo cáo tài chính dự án trong một năm tài chính về các mặt quản lý tài chính, quản lý tài sản, trang thiết bị của dự án theo cam kết giữa OFID và Chính phủ, đồng thời xác nhận các nguồn lực của dự án đã được chủ dự án sử dụng phù hợp theo các thủ tục, quy định, chính sách, chế

độ tài chính, kế toán mà Chính phủ đã thống nhất với OFID trong Hiệp định vay OFID cho dự án.

2. Kiểm toán báo cáo tài chính năm của các dự án vay OFID phù hợp theo yêu cầu kiểm toán của OFID và phù hợp quy định hiện hành trong nước. Báo cáo kiểm toán tài chính hàng năm được gửi cho OFID và Bộ Tài chính sau 4 tháng khi kết thúc năm tài chính.

3. Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính năm của các dự án vay OFID, công ty kiểm toán, kiểm toán viên và chủ dự án phải tuân thủ các quy định hiện hành về kiểm toán cũng như các chuẩn mực kiểm toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán. Các công ty kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán dự án OFID phải là các công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có tên trong danh sách các công ty có đủ điều kiện thực hiện kiểm toán do Bộ Tài chính (hoặc tổ chức nghề nghiệp được Bộ Tài chính uỷ quyền) công bố hàng năm.

4. Ngoài việc kiểm toán báo cáo tài chính năm, các dự án vay OFID có thể thuê kiểm toán từng hạng mục công trình, công trình, công việc (có tính chất đặc biệt hoặc có quy mô, số lượng kinh phí lớn) đã hoàn thành nếu có nhu cầu cần kiểm toán riêng.

Điều 10. Chế độ báo cáo, giám sát

1. Theo định kỳ hàng Quý, Ban Quản lý dự án gửi cho OFID báo cáo tiến độ và tình hình thực hiện dự án cho OFID.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Ban quản lý dự án lập báo cáo việc sử dụng vốn OFID trên tài khoản nguồn, vốn đồng tài trợ và vốn đối ứng gửi KBNN nơi giao dịch làm thủ tục đối chiếu và xác nhận, đồng gửi cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm căn cứ theo dõi, giám sát.

3. Cơ quan tài chính các cấp, cơ quan chủ quản dự án có thể độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn OFID về các nội dung liên quan đến quản lý tài chính theo quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12/2/2012.

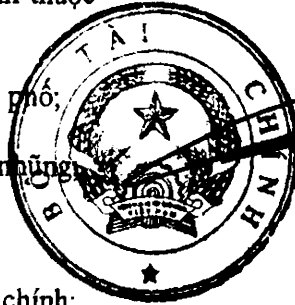
2. Các văn bản pháp quy được dẫn chiếu trong Thông tư này được bổ sung, sửa đổi, thay thế thì thực hiện theo các văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để hướng dẫn, phối hợp giải quyết. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các PTTg Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Ban QLDA vốn OFID;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THƯ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung